

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

Số:..1705../GP-UBND

Ngày cấp: 22.../...9../2026

Số: 1705/GP-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

GIẤY PHÉP NHẬN CHÌM Ở BIỂN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo;

Căn cứ Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo;

Căn cứ Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt

Nam;

Căn cứ Quyết định số 5553/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét, nhận chìm chất nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải năm 2026;

Căn cứ Công văn số 505/UBND-ĐT ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về vị trí đổ chất nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải (bao gồm luồng hàng hải Sông Dinh), luồng hàng hải Soài Rạp, luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 534/TB-BXD ngày 07 tháng 8 năm 2026 của Bộ Xây dựng về Kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Xuân Sang tại cuộc họp rà soát tình hình thực hiện kế hoạch bảo trì công trình hàng hải, đường thủy nội địa năm 2026;

Căn cứ Công văn số 7426/UBND-ĐT ngày 12 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh khối lượng chất nạo vét nhận chìm công trình nạo vét duy tu luồng Vũng Tàu - Thị Vải (bao gồm luồng hàng hải sông Dinh) và luồng hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu năm 2025-2026;

Căn cứ ý kiến của Cục An ninh Kinh tế - Bộ Công an (Công văn số 10912/ANKT-P8 ngày 23 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 14165/ANKT-P8 ngày 11 tháng 8 năm 2026), Bộ Quốc phòng (Công văn số 4003/BQP-TM ngày 10 tháng 6 năm 2026 và Công văn số 1511/QK-TM ngày 05 tháng 8 năm 2026) và Bộ Xây dựng (Công văn số 12204/BXD-KHCNMT&VLXD ngày 04 tháng 8 năm 2026) về hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Báo cáo số 30010/BC-SNNMT-TNNKS ngày 11 tháng 9 năm 2026 về kết quả thẩm định Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép nhận chìm ở biển Dự án Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải (bao gồm luồng hàng hải Sông Dinh) công trình thực hiện năm 2025 – 2026 của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam được nhận chìm vật, chất ở biển như sau:

1. Tên, khối lượng, thành phần của vật, chất được nhận chìm:

a) Tên chất nhận chìm: Chất nạo vét.

b) Khối lượng chất nạo vét đề nghị nhận chìm: 2.546.291 m³ (được phê duyệt tại Quyết định số 921/QĐ-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng). Khối lượng nạo vét theo bình đồ: 3.705.055,13 m³ (bao gồm nạo vét vượt quá và sa bồi). Khối lượng nhận chìm (bao gồm hệ số nở rời và lẫn nước): 4.473.854,07 m³.

c) Thành phần của chất nhận chìm: bùn sét mềm, trạng thái chảy, hàm lượng hạt mịn rất cao, khối lượng riêng thấp, khả năng chịu tải thấp. Chất nhận chìm không chứa chất phóng xạ, chất độc, chất thải nguy hại vượt quy chuẩn an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

2. Địa điểm khu vực nhận chìm: Tại khu vực biển phường Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Khu vực biển sử dụng để nhận chìm có diện tích là 49 ha, được giới hạn bởi 04 điểm góc có tọa độ cụ thể (V1, V2, V3, V4), độ sâu được phép sử dụng từ 17,7 m đến 20,1 m (Hệ cao độ Quốc gia), được thể hiện chi tiết trên Sơ đồ khu vực biển kèm theo Giấy phép này.

4. Phương tiện, thiết bị nhận chìm: tàu hút bùn tự hành loại lớn (công suất >5945 CV, 07 tàu), tàu hút bùn tự hành loại nhỏ (công suất >1390 CV, 01 tàu), máy đào gầu dây (công suất 60m³/giờ, 36 máy), sà lan vận chuyển (công suất <3500T, 36 sà lan), khối lượng chất nạo vét trung bình là 34.306,07 m³/ngày (tương đương khối lượng nhận chìm 41.424,57 m³/ngày – bao gồm hệ số nở rời và lẫn nước); nhận chìm vật, chất nạo vét theo hình thức xả đáy.

5. Nội dung, biện pháp, yêu cầu về bảo vệ môi trường: chi tiết tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Thời hạn thực hiện hoạt động nhận chìm ở biển: Kể từ ngày Giấy phép nhận chìm ở biển có hiệu lực thi hành đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027 (không thi công nhận chìm ở biển trong điều kiện thời tiết có bão, thời gian thi công nhận chìm cụ thể được nêu trong Dự án nhận chìm ở biển).

Điều 2. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển và các khoản phí có liên quan theo quy định của pháp luật; bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, phục hồi môi trường do hoạt động nhận chìm gây ra.

2. Thông báo về thời gian bắt đầu nhận chìm, thông tin về đơn vị thi công, đơn vị giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm, giám sát môi trường với Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố, Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu, Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ và các cơ quan có liên quan làm cơ sở cho việc theo dõi, kiểm tra, giám sát.

3. Thực hiện nhận chìm đúng địa điểm, khối lượng, thành phần chất được phép nhận chìm, sử dụng đúng phương tiện chuyên chở, cách thức nhận chìm, thời điểm và thời hạn nhận chìm theo quy định tại Điều 1 của Giấy phép này và trong Dự án nhận chìm ở biển; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, đảm bảo an toàn lao động, an toàn hàng hải, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện hoạt động nhận chìm.

Trường hợp có dấu hiệu không bảo đảm an toàn hoặc nhận chìm không đúng

vị trí hoặc không đúng thành phần của chất nhận chìm theo Điều 1 Giấy phép này hoặc khối lượng bị hao hụt trong quá trình vận chuyển chất nhận chìm hoặc một trong các thông số giám sát môi trường vượt giới hạn cho phép thì phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường, khắc phục sự cố; đồng thời báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thi công nạo vét, nhận chìm ở biển, trường hợp phát hiện có khoáng sản phải báo cáo cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định; không được mua bán, chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc sử dụng làm vật liệu xây dựng, san lấp hoặc mục đích khác khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật.

4. Đăng ký các phương tiện chuyên chở vật, chất nhận chìm với Cảng vụ Hàng hải Thành phố và thông báo đã gắn thiết bị giám sát hành trình với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền gồm: Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố, Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ; ghi chép toàn bộ quá trình thực hiện việc nhận chìm, nhật ký hàng hải để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các lực lượng tuần tra, kiểm soát trên biển.

5. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và văn bản hướng dẫn thi hành; các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành tại Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

6. Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải đối với hoạt động thi công nạo vét, vận chuyển, đổ chất nạo vét tại vị trí được cấp phép nhận chìm, trình Cảng vụ Hàng hải Thành phố xem xét, phê duyệt trước khi tổ chức triển khai dự án; thực hiện thi công nạo vét, vận chuyển, nhận chìm chất nạo vét đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác trong khu vực; chấp hành đúng quy định về quản lý hoạt động của người, phương tiện trong khu vực biên giới biên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Nghị định số 71/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ, không để ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh.

7. Thực hiện các nghĩa vụ cụ thể như sau:

a) Chấp hành quy định của pháp luật về quản lý tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, pháp luật về đa dạng sinh học, pháp luật về thủy sản; thực hiện đúng nội dung của Giấy phép nhận chìm ở biển; bảo đảm tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, đánh giá và các kết quả tính toán nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép nhận chìm ở biển. Chịu trách nhiệm về kết quả tính toán khối lượng vật, chất nạo vét đề nghị nhận chìm.

b) Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến hoạt động nhận chìm trong suốt quá trình nhận chìm ở biển.

c) Không cản trở hoặc gây thiệt hại đến hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên hợp pháp ở biển của tổ chức, cá nhân khác.

d) Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động thi công

nạo vét và nhận chìm ở biển khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

e) Thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển, nguồn lợi thủy sản, đa dạng sinh học biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm bảo đảm đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật về môi trường biển, hệ sinh thái khu vực nạo vét, nhận chìm.

Các biện pháp đảm bảo an toàn, phòng ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường biển; các chương trình quản lý, giám sát môi trường, giám sát hành trình, vị trí, khối lượng chất nhận chìm phải được thực hiện theo các nội dung trong Dự án nhận chìm ở biển và theo các yêu cầu tại Giấy phép này.

f) Thực hiện việc quan trắc, giám sát môi trường biển và chế độ thông tin, báo cáo về hoạt động nhận chìm như sau:

- Thực hiện chương trình quan trắc, giám sát môi trường và chế độ thông tin, báo cáo trong quá trình nhận chìm ở biển; hằng tháng và sau khi kết thúc nhận chìm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhận chìm, quan trắc, giám sát môi trường về Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố, Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu và Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ và các cơ quan liên quan.

- Thực hiện giám sát vị trí, hành trình, khối lượng chất nhận chìm theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

- Định kỳ phân tích thành phần chất nhận chìm để đảm bảo đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật, không chứa chất phóng xạ, chất độc vượt quy chuẩn kỹ thuật an toàn bức xạ, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

g) Phải chịu hoàn toàn trách nhiệm khi để xảy ra sự cố môi trường, tràn dầu, cháy nổ, mất an toàn lao động và phải bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động thi công nạo vét và nhận chìm ở biển không đúng quy định của mình gây ra; phối hợp với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư có sinh kế bị ảnh hưởng bởi hoạt động nhận chìm lập phương án đền bù và thực hiện hỗ trợ thỏa đáng, tạo sự đồng thuận từ chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư trong trường hợp xảy ra sự cố, rủi ro môi trường gây thiệt hại tới cộng đồng dân cư và môi trường tự nhiên do quá trình thực hiện thi công nạo vét và nhận chìm ở biển gây ra.

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 3.

1. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện các biện pháp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động nạo vét, nhận chìm của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam theo quy

định của Giấy phép này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam chỉ được phép tiến hành nhận chìm ở biển sau khi đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Công an Thành phố, Thủ trưởng Bộ Tư lệnh Thành phố, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng Thành phố, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vũng Tàu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Phú Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các Bộ: QP, CA, XD, NNMT (để b/c);
- Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Bộ Tư lệnh Thành phố;
- Công an Thành phố; Thuế Thành phố;
- Các Sở: NNMT, XD, TC, CThg, DL;
- Trung tâm Thông tin điện tử;
- Phòng Đô thị;
- Lưu: VT, (ĐT-PVH).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Thạnh



CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN CÔNG TRÌNH NẠO VẾT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI VŨNG TÀU – THỊ VẢI (BAO GỒM LUỒNG HÀNG HẢI SÔNG DINH)

(CÔNG TRÌNH THỰC HIỆN NĂM 2025 - 2026)”

(Kèm theo Giấy phép nhận chìm ở biển số 17.05/GP-UBND ngày .22.. tháng .9 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên Dự án: Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải (bao gồm luồng hàng hải sông Dinh) (công trình thực hiện năm 2025 – 2026).

- Địa điểm thực hiện Dự án: Tuyến luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đồng Nai. Trong đó, phạm vi luồng nạo vét duy tu thực hiện năm 2025-2026 từ phao số “0” đến hết vũng quay trở tàu tại khu nước phía trước Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba Son thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh và tuyến luồng hàng hải sông Dinh thuộc địa phận Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ dự án: Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam.

- Mục tiêu của Dự án là nạo vét duy tu tuyến luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải (đoạn luồng từ phao số “0” đến hết vũng quay trở tàu tại khu nước phía trước Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba Son), tuyến luồng hàng hải Sông Dinh đảm bảo chuẩn tắc luồng phục vụ tàu thuyền hành hải trên luồng. Dự án nằm trong Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải năm 2026 của Bộ Xây dựng, được phê duyệt tại Quyết định số 921/QĐ-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2026.

1.2. Quy mô, công suất

- Khu vực nạo vét tại 05 đoạn luồng của luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải và luồng hàng hải sông Dinh bao gồm:

+ Luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải: Đoạn 1 (từ phao số “0” đến hết vũng quay trở tàu tại khu vực ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải); Đoạn 2 (từ vũng quay trở tàu tại khu vực ngã ba sông Gò Gia - sông Cái Mép - sông Thị Vải đến hết vũng quay trở tàu tại khu nước phía trước Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba Son).

+ Luồng hàng hải Sông Dinh: Đoạn 1 (ngoài biển nối tiếp từ luồng Vũng Tàu - Thị Vải vào sông Dinh đến cảng Vietsopetro); Đoạn 2 (từ cảng Vietsopetro đến thượng lưu bến cảng Vina Offshore 200m); Đoạn 3 (từ thượng lưu Vina Offshore 200m đến ngã ba sông Cây khế).

- Chuẩn tắc thiết kế của tuyến luồng như sau:

+ Luồng hàng hải Vũng Tàu – Thị Vải: cao độ đáy luồng $H = -14,0 \div -15,5$ m, bề rộng đáy luồng $B = 250 \div 350$ m, mái dốc nạo vét $m = 5$.

+ Luồng hàng hải Sông Dinh: cao độ đáy luồng $H = -4,7 \div -7,0$ m, bề rộng đáy luồng $B = 80 \div 100$ m, mái dốc nạo vét $m = 5$.

- Tổng khối lượng chất nạo vét là: $2.546.291 \text{ m}^3$ (theo phê duyệt tại Quyết định số 921/QĐ-BXD ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng). Khối lượng nạo vét theo bình đồ: $3.705.055,13 \text{ m}^3$ (bao gồm nạo vét vượt quá và sa bồi). Khối lượng nhận chìm (bao gồm hệ số nở rời và lặn nước): $4.473.854,07 \text{ m}^3$.

- Toàn bộ chất nạo vét sẽ được nhận chìm ở biển. Thời gian thi công: Năm 2026 - 2027, khoảng 108 ngày kể từ thời điểm bắt đầu nạo vét.

- Khu vực nhận chìm có diện tích khoảng 49 ha, nằm trong khu vực được quy hoạch làm vị trí nhận chìm chất nạo vét và đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận tại Công văn số 505/UBND-ĐT ngày 22 tháng 1 năm 2026 và Công văn số 7426/UBND-ĐT ngày 12 tháng 8 năm 2026.

Bảng 1. Tọa độ không chế khu vực nhận chìm

Tên điểm	Hệ tọa độ VN2000 Kinh tuyến trực (KTT) $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°	
	X (m)	Y (m)
V1	1136685,00	431120,00
V2	1136685,00	431820,00
V3	1135985,00	431820,00
V4	1135985,00	431120,00

1.3. Công nghệ thi công

- Luồng Vũng Tàu - Thị Vải: Sử dụng tàu hút bụng tự hành loại lớn để nạo vét và vận chuyển chất nạo vét đến vị trí nhận chìm. Luồng Sông Dinh: sử dụng tàu hút bụng tự hành loại nhỏ để nạo vét và vận chuyển chất nạo vét đến vị trí nhận chìm. Quá trình triển khai, trong trường hợp không huy động được đồng thời số lượng tàu hút bụng tự hành yêu cầu hoặc trường hợp các thiết bị thi công bị hư hỏng cần phải thay thế để đảm bảo duy trì công tác thi công liên tục, Chủ dự án có thể sử dụng các tổ hợp thiết bị thi công khác (gầu dây + sà lan...), đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại công trường và đảm bảo yêu cầu tiến độ của Chủ dự án. Nạo vét từng bên của tuyến luồng nhằm bảo đảm không cản trở hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông thủy.

- Phương tiện chính sử dụng bao gồm:

- + 01 tàu hút bụng tự hành loại nhỏ, công suất $>1390\text{CV}$;
- + 07 tàu hút bụng tự hành loại lớn, công suất $>5945\text{CV}$;
- + 36 máy đào gầu dây, công suất $60 \text{ m}^3/\text{giờ}$;
- + 36 sà lan xả đáy phục vụ vận chuyển chất nạo vét trọng tải từ 400T đến

3.500T.

- Năng suất nhận chìm trung bình là 34.306,07 m³/ngày (tương đương 41.424,57 m³/ngày – khối lượng nhận chìm bao gồm hệ số nở ròi và lặn nước).

1.4. Phạm vi

- Các hoạt động của Dự án được đánh giá tác động môi trường bao gồm:
 - + Hoạt động tập kết thiết bị phục vụ thi công.
 - + Hoạt động nạo vét trên tuyến luồng như tại Mục 1.2 nêu trên.
 - + Hoạt động vận chuyển chất nạo vét từ các vị trí nạo vét đến khu vực nhận chìm.
 - + Hoạt động nhận chìm ở biển chất nạo vét.
- Dự án không có hạng mục công trình phụ trợ; không thiết lập âu chứa tạm vật, chất nạo vét; không bố trí bãi chứa tạm thời vật chất nạo vét và không bố trí lán trại, công trường thi công.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động nạo vét và nhận chìm chất nạo vét ở biển làm gia tăng độ đục và lan truyền TSS, tác động tới hoạt động nuôi trồng thủy sản và chất lượng nước biển.
- Hoạt động tập kết máy móc, thiết bị thi công; hoạt động của các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm và vận chuyển phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải tác động tới chất lượng môi trường không khí.
- Hoạt động của công nhân trên các phương tiện thi công ...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công:
 - + Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của công nhân phát sinh khoảng 8,32 – 8,96 m³/ngày.
 - + Nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển chất nạo vét. Thông số ô nhiễm đặc trưng: TSS.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn chuẩn bị: Hoạt động tập kết các phương tiện thi công phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.
- Giai đoạn thi công: Hoạt động của các phương tiện nạo vét, vận chuyển chất nạo vét đi nhận chìm phát sinh bụi, khí thải. Thông số ô nhiễm đặc trưng: bụi, SO₂, NO_x, CO.

3.2. *Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh chất thải rắn.
- Giai đoạn thi công: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ sinh hoạt của các công nhân tham gia thi công với khối lượng khoảng 0,5 – 6,5 kg/ngày/phương tiện thi công. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, vỏ chai lọ, giấy báo, túi ni lông...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn chuẩn bị: không phát sinh chất thải nguy hại.
- Giai đoạn thi công: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động vận hành các máy móc, thiết bị, vệ sinh máy móc với khối lượng khoảng 0,2 kg giẻ lau dính dầu/phương tiện thi công.

3.3. *Tiếng ồn, độ rung*

- Giai đoạn chuẩn bị: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động tập kết, vận hành thử phương tiện, thiết bị thi công tác động tới các tàu, bè lưu thông trên tuyến luồng.
- Giai đoạn thi công: Tiếng ồn từ quá trình nạo vét, vận chuyển, nhận chìm của các phương tiện, thiết bị tham gia thi công tác động tới các tàu, bè lưu thông trên tuyến luồng.

3.4. *Các tác động khác*

- Suy giảm chất lượng nước, gia tăng độ đục cục bộ tại các vị trí nạo vét của tuyến luồng và khu vực nhận chìm, tác động tới đời sống của các sinh vật trong khu vực, hoạt động tại các bãi tắm (bãi trước, bãi sau) và hoạt động phục vụ nuôi trồng thủy sản của người dân địa phương tại một số vị trí trên tuyến luồng (Khu vực lồng bè nuôi thủy sản xã Thạnh An, phường Tân Phước, xã Long Sơn).
- Rủi ro xói lở, bồi lắng tại 02 bên bờ khu vực nạo vét do hoạt động nạo vét trên tuyến luồng.
- Sự cố môi trường do cháy, nổ, tràn dầu, tai nạn giao thông thủy, chìm tàu thuyền, thiết bị, ... và từ việc vận hành các phương tiện tham gia thi công, thay dầu, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. *Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải*

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: sử dụng các phương tiện thi công có trang bị nhà vệ sinh, kết cấu để chứa nước thải sinh hoạt (dung tích theo thiết kế của nhà sản xuất, tùy thuộc vào công suất của phương tiện). Định kỳ, các phương tiện thi công sẽ cập bờ, Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom toàn bộ nước thải từ các thiết bị và vận chuyển mang đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với nước chảy tràn, rò rỉ từ quá trình vận chuyển chất nạo vét: thường xuyên kiểm tra các đường ống hút bùn, cát, đề phòng hư hỏng gây rò rỉ, rơi vãi bùn cát; các tàu hút, tàu xả đáy không được chứa quá đầy vật chất nạo vét (không quá 90% thể tích khoang) để tránh nước ô nhiễm rò rỉ vào tuyến luồng, làm đục nguồn nước.

4.1.2. Đối với thu gom và xử lý bụi, khí thải

- Sử dụng đúng chủng loại, công suất, số lượng phương tiện và thiết bị trong thi công sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định.

- Trang bị cho công nhân các thiết bị bảo hộ lao động (khẩu trang, găng tay và các thiết bị an toàn cá nhân khác).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy để thu gom, phân loại tại nguồn chất thải rắn sinh hoạt trên mỗi phương tiện tham gia thi công. Quy định công nhân tham gia thi công có trách nhiệm bỏ chất thải rắn sinh hoạt vào thùng chứa chất thải rắn trên phương tiện, không xả thải ra môi trường xung quanh.

- Lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt trên phương tiện trong thời gian thi công; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng trên địa bàn thi công để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị 01 thùng chứa chuyên dụng, có nắp đậy kín, đảm bảo lưu giữ an toàn, không tràn đổ, có dán nhãn theo quy định trên từng phương tiện thủy tham gia thi công.

- Lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại trên phương tiện thi công; định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, mang đi xử lý theo quy định khi các phương tiện thi công cập bờ.

4.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-

BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị được kiểm tra, chứng nhận về chất lượng, bảo đảm an toàn kỹ thuật và các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định.

- Chủ dự án thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong các giai đoạn của Dự án như đã đề xuất trong nội dung báo cáo dự án nhận chìm ở biển đảm bảo đạt QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Giảm thiểu sự lan truyền chất nạo vét; giảm thiểu tác động tiêu cực tới chất lượng nước mặt, nước biển

- Sử dụng tàu đào gầu dây có đáy gầu kín để tránh thất thoát bùn cát làm tăng độ đục.

- Các phương tiện vận chuyển chất nạo vét phải bảo đảm có ngăn chứa kín, chuyên chở đúng tải trọng cho phép để hạn chế tình trạng rơi vãi chất nạo vét; không đổ thải trên tuyến đường di chuyển; bố trí thời gian vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét hợp lý để tránh các va chạm gây tai nạn trên đường hàng hải; không xả nước la canh, không thải rác thải sinh hoạt trên tuyến vận chuyển.

- Thi công nhanh chóng và gọn, thực hiện đúng tiến độ.

- Thực hiện việc giám sát vị trí, hành trình, khối lượng đối với các phương tiện thi công nạo vét, nhận chìm; lắp đặt thiết bị AIS (thiết bị tự động nhận dạng), camera và máy ảnh trên các tàu, sà lan để giám sát trực tiếp hành trình vận chuyển và định vị chính xác vị trí nhận chìm, đảm bảo kiểm soát việc nhận chìm đúng vị trí. Giám sát liên tục đối với từng chuyến tàu nhận chìm chất nạo vét. Phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Thành phố giám sát hành trình tàu nhận chìm thông qua thiết bị tự động nhận dạng.

- Tiến hành kiểm tra độ sâu đáy luồng, thu dọn công trường, di chuyển các thiết bị thi công nạo vét, các phao tín hiệu, biển báo tạm, các chương ngại vật (nếu có) phát sinh trong quá trình thi công.

- Chỉ thực hiện nhận chìm vào thời điểm có điều kiện thời tiết phù hợp, không

tiến hành vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét vào những ngày biển động và có mưa bão lớn.

- Thực hiện quá trình nhận chìm ở biển theo đúng vị trí quy định. Nhằm đảm bảo lớp vật liệu được trải đều trên toàn bộ diện tích được cấp phép, tiến hành nhận chìm lần lượt theo 4 phân khu tại khu vực nhận chìm.

- Khi xả chất nạo vét xuống khu vực biển phải xác định đúng vị trí, tốc độ mở cửa xả hợp lý để giảm phát tán chất lơ lửng. Thực hiện xả đáy nhận chìm chất nạo vét theo từng lớp, tránh hiện tượng tạo địa hình lồi lõm cho đáy biển. Sau khi hết thời gian nhận chìm chất nạo vét, chủ dự án có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả thực hiện nhận chìm, quan trắc, giám sát môi trường của Dự án tới cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép nhận chìm ở biển theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: thực hiện nghiêm chỉnh việc nhận chìm ở biển theo đúng quy định của Luật Tài nguyên, môi trường Biển và Hải đảo và các quy định khác có liên quan; áp dụng biện pháp kỹ thuật và quản lý trong quá trình thi công, vận chuyển, nhận chìm, đáp ứng yêu cầu tại Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đánh giá chất nạo vét và xác định khu vực nhận chìm chất nạo vét ở vùng biển Việt Nam và Thông tư số 23/2022/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2019/TT-BTNMT.

4.4.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy, nổ, tràn dầu, rò rỉ dầu vào môi trường nước sông, nước biển

- Thường xuyên kiểm tra các thùng đựng nhiên liệu, phát hiện kịp thời sự cố rò rỉ dầu để ngăn chặn và thu hồi.

- Các phương tiện nạo vét, vận chuyển được trang bị vật liệu thấm dầu: giẻ lau, thùng chứa... để thu gom dầu rơi vãi. Không thải đổ trực tiếp dầu mỡ, giẻ lau dính dầu xuống sông, biển.

- Không dùng nước để dội rửa phương tiện nạo vét, vận chuyển có dầu nhớt rò rỉ, rơi vãi, dùng giẻ lau chùi và thấm hút dầu mỡ, sau đó thu gom giẻ dính dầu mỡ vào thùng đựng chất thải nguy hại.

- Thực hiện các biện pháp che chắn mưa an toàn cho những vị trí thường hay rơi vãi dầu nhớt.

- Bố trí đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy (PCCC) và ứng phó sự cố tràn dầu.

- Sử dụng phương tiện thủy tham gia thi công có đủ năng lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định của pháp luật về quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.

- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng ứng phó sự cố tràn dầu trước khi thực hiện Dự án để phối hợp phòng ngừa, ứng phó kịp thời khi xảy ra sự cố tràn dầu.

- Thực hiện đúng quy định tại Nghị định số 57/2024/NĐ-CP; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ.

4.4.3. Phòng ngừa ứng phó sự cố bồi lắng, xói lở đường bờ

- Tổ chức thi công theo thiết kế được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định. Nạo vét đúng cao độ, độ dốc, chiều rộng đáy luồng theo thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Tuân thủ kế hoạch, thứ tự nạo vét cũng như kiểm tra, giám sát đúng theo thiết kế công trình được duyệt như phạm vi nạo vét, đảm bảo an toàn đường bờ, khu vực nạo vét không vượt biên luồng, cao độ, mái dốc, khối lượng nạo vét.... Thực hiện theo dõi, giám sát diễn biến đường bờ trong quá trình thi công để kịp thời phát hiện và có phương án xử lý kịp thời. Trường hợp phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra xói, lở đường bờ tại khu vực thi công phải tạm dừng ngay hoạt động nạo vét tại khu vực có liên quan, đồng thời báo cáo chính quyền địa phương, cơ quan chức năng và các bên liên quan để kiểm tra, xác định nguyên nhân, mức độ tác động và phương án xử lý, khắc phục sự cố; trong trường hợp cần thiết, điều chỉnh phương án và các thông số nạo vét phù hợp để đảm bảo giảm thiểu tác động tới đường bờ, kè, cảnh quan và môi trường.

- Không nạo vét tại các khu vực có dấu hiệu bị sạt lở, khu vực bờ sông không ổn định, có nguy cơ sạt lở theo hướng dẫn của địa phương.

4.4.4. Giảm thiểu tác động đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của người dân.

- Thông báo đến chính quyền địa phương về thông tin Dự án cũng như kế hoạch thi công của Dự án. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân (nếu có) trong suốt quá trình thi công để kịp thời có biện pháp điều chỉnh.

- Thi công nhanh, đúng tiến độ, đảm bảo không gây tác động kéo dài tới hoạt động của người dân trong khu vực.

4.4.5. Giảm thiểu rủi ro dẫn tới các sự cố môi trường khác

- Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông thủy: thực hiện cắm phao báo hiệu khu vực thi công, nhận chìm; phân luồng tuyến đảm bảo an toàn cho các tàu thuyền ra vào tuyến luồng. Tuân thủ phương án bảo đảm an toàn giao thông trong điều tiết phương tiện thi công, phối hợp với Cảng vụ Hàng hải Thành phố trong hoạt động điều tiết giao thông; tuân thủ quy tắc báo hiệu hàng hải Việt Nam, quy tắc báo hiệu đường thủy nội địa theo quy định.

- Không gây mất an toàn cho các phương tiện thủy trong khu vực và thông báo cho các cơ quan liên quan khi có bất kỳ sự cố nào xảy ra để có kế hoạch ứng phó, khắc phục kịp thời.

- Các phương tiện liên quan đến việc nạo vét và vận chuyển chất nạo vét được bố trí đèn tín hiệu khi neo và khi di chuyển trên hành trình đến vị trí nhận chìm ở biển để không gây cản trở các phương tiện lưu thông trên luồng hàng hải ra vào cảng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án

Chủ dự án đề xuất và cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường nêu tại mục 4 trong Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường

a) Giám sát chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Tần suất giám sát: giám sát thường xuyên trong suốt thời gian thi công.

b) Giám sát chất lượng trầm tích

- Vị trí: 02 vị trí (01 vị trí tại khu vực nạo vét thuộc luồng Vũng Tàu – Thị Vải và 01 vị trí tại khu vực nạo vét luồng sông Dinh).

- Tần suất: Thực hiện giám sát 01 lần khi thi công nạo vét luồng.

- Số lượng: 01 mẫu/vị trí/lần quan trắc.

- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cr, Cu.

- Quy chuẩn áp dụng: so sánh với QCVN 43:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.

c) Giám sát ảnh hưởng của hoạt động nạo vét tới chất lượng nước biển

- Vị trí: 05 vị trí (GS1 – GS5). Vị trí giám sát như tại Bảng 2:

Bảng 2. Tọa độ vị trí giám sát ảnh hưởng của hoạt động nạo vét tới chất lượng nước biển

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 107°45', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
GS1	1167453,958	418527,749	Theo dõi ảnh hưởng của hoạt động nạo vét luồng Vũng Tàu – Thị Vải (khu nước phía trước Bến cảng Nhà máy đóng tàu Ba Son) đến khu vực lồng bè nuôi thủy sản xã Thạnh An (trên rạch Oản Lớn giáp sông Thị Vải)

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 107°45', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
GS2	1158613,711	415617,311	Theo dõi ảnh hưởng của hoạt động nạo vét luồng Vũng Tàu – Thị Vải (khu vực Cái Mép) đến khu vực lồng bè nuôi thủy sản xã Thạnh An
GS3	1156556,116	420128,688	Theo dõi ảnh hưởng của hoạt động nạo vét luồng Vũng Tàu – Thị Vải đến khu vực lồng bè nuôi thủy sản xã Long Sơn.
GS4	1151052,426	426250,301	Theo dõi ảnh hưởng của hoạt động nạo vét luồng sông Dinh đến khu vực lồng bè nuôi thủy sản phường Rạch Dừa (Cù lao Tàu)
GS5	1143884,219	424928,843	Theo dõi ảnh hưởng của hoạt động nạo vét luồng Vũng Tàu – Thị Vải đến khu vực bãi tắm (bãi trước)

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, dầu mỡ khoáng.

- Tần suất quan trắc và thời gian thực hiện: Thực hiện 1 lần trước khi nhận chìm, thực hiện 01 tuần/lần trong quá trình thực hiện nhận chìm. Thực hiện quan trắc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Số mẫu: 02 mẫu/vị trí (Tầng mặt và tầng đáy).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (Bảng 1, Bảng 2).

d) Giám sát ảnh hưởng do quá trình nhận chìm tới môi trường nước biển

- Vị trí: 02 vị trí (GS6 – GS7). Vị trí giám sát như tại Bảng 3:

Bảng 3. Tọa độ vị trí giám sát ảnh hưởng của hoạt động nhận chìm tới chất lượng nước biển

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 107°45', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
GS6	1141434,074	428560,489	Theo dõi ảnh hưởng của lan truyền bùn cát trong quá trình nhận chìm đối với khu vực bãi tắm - bãi sau (cách khu vực nhận chìm khoảng 5,4 km)
GS7	1144769,077	432630,911	Theo dõi ảnh hưởng của lan

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 (KTT 107°45', múi chiếu 3°)		Mô tả vị trí
	X (m)	Y (m)	
			truyền bùn cát trong quá trình nhận chìm đối với khu vực bãi tắm - bãi sau (cách khu vực nhận chìm khoảng 8,1 km)

- Thông số quan trắc: pH, DO, TSS, dầu mỡ khoáng.

- Số mẫu: 02 mẫu/vị trí (Tầng mặt và tầng đáy).

- Tần suất quan trắc và thời gian thực hiện: Thực hiện 1 lần trước khi nhận chìm, thực hiện 01 tuần/lần trong quá trình thực hiện nhận chìm. Thực hiện quan trắc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp xảy ra sự cố.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 10:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển (Bảng 1, Bảng 2).

5.3. Giám sát khác

a) Giám sát thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

Giám sát khối lượng, biện pháp thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại trên các phương tiện và khu vực thi công; thực hiện phân loại và định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Đơn vị chịu trách nhiệm: Tư vấn giám sát thi công.

b) Giám sát thu gom nước thải sinh hoạt

Giám sát việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu nước thải sinh hoạt trên các phương tiện thi công. Nhà thầu thi công và Tư vấn giám sát định kỳ báo cáo Chủ dự án theo quy định; Chủ dự án định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ.

c) Giám sát sụt lở đường bờ khu vực thi công

Nhà thầu thường xuyên theo dõi hiện tượng sụt lở tại khu vực nạo vét; trường hợp xác định nguyên nhân do thi công, Chủ dự án yêu cầu tạm dừng thi công, tiến hành đền bù và khắc phục. Nhà thầu lập biên bản xử lý gửi Chủ dự án; Tư vấn giám sát thi công chịu trách nhiệm giám sát và báo cáo.

6. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác

6.1. Trong quá trình thi công nạo vét

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các điều kiện về bảo vệ môi trường kèm theo như sau:

- Thực hiện đầy đủ thủ tục pháp lý về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa theo quy định hiện hành.

- Chỉ được phép triển khai nạo vét, nhận chìm theo đúng địa điểm, diện tích,

chuẩn tắc thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận và tuân thủ nghiêm các yêu cầu về an toàn trong thiết kế đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn, phổ biến công tác bảo vệ môi trường tới toàn thể cán bộ công nhân viên tham gia thực hiện Dự án.

- Lập phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho Dự án theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ trình Cảng vụ Hàng hải Thành phố phê duyệt trước khi thi công Dự án; lắp đặt biển cảnh báo, chỉ dẫn tại khu vực nạo vét và phối hợp với cơ quan chức năng thông báo đến các chủ phương tiện vận tải thủy sử dụng tuyến luồng trong thời gian triển khai các hoạt động của Dự án. Thực hiện đúng các quy định của Nghị định số 57/2024/NĐ-CP; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác khu vực Dự án trong quá trình thi công nạo vét.

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó các sự cố tai nạn đắm và tàu thuyền, cháy, nổ, tràn dầu và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong giai đoạn thi công.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

6.2. Trong quá trình hoạt động nhận chìm ở biển

Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu, điều kiện về bảo vệ môi trường khi tiến hành hoạt động nhận chìm vật chất nạo vét ở biển như sau:

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường của hoạt động nhận chìm, đảm bảo hoạt động nhận chìm không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mặt, nước biển khu vực nạo vét, nhận chìm của Dự án và lân cận.

- Sử dụng phương tiện và thiết bị nhận chìm phù hợp, đồng thời áp dụng các giải pháp kỹ thuật hỗ trợ, đảm bảo chất nhận chìm ở biển không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước biển và hệ sinh thái biển khu vực.

- Các phương tiện thực hiện việc nhận chìm phải có thiết bị tự động nhận dạng (AIS) để cơ quan nhà nước quản lý, theo dõi và hỗ trợ giám sát hoạt động vận chuyển, nhận chìm chất nạo vét theo quy định.

- Giám sát chặt chẽ quá trình nhận chìm, thực hiện quan trắc chất lượng nước biển khu vực nhận chìm và lân cận đảm bảo nguyên tắc sau: Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát 24/24 giờ đối với từng phương tiện tham gia nhận chìm chất nạo vét của nhà thầu; phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước giám sát hành trình thông qua thiết bị tự động nhận dạng (AIS) trong thời gian nạo vét, vận chuyển và nhận chìm chất nạo vét.

- Chủ dự án và tổ chức, cá nhân đã thực hiện tính toán mô hình dự báo lan

truyền vật chất nhận chìm chịu trách nhiệm về số liệu và kết quả tính toán, kết quả điều tra, khảo sát, đánh giá hiện trạng môi trường. Trong quá trình nạo vét, nhận chìm chất nạo vét nếu phát hiện thấy những dấu hiệu ô nhiễm bất thường thì phải dừng ngay hoạt động nhận chìm và báo cáo kịp thời về các cơ quan quản lý chức năng để xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

SƠ ĐỒ KHU VỰC BIỂN

Để thực hiện nhận chìm chất nạo vét thuộc Công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải Vũng Tàu - Thị Vải
(Bao gồm luồng hàng hải Sông Dinh) (công trình thực hiện năm 2025-2026)

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm)

NỀN ĐỊA HÌNH ĐÁY BIỂN

ĐỘ SÂU SỬ DỤNG

Điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 105°00', múi chiếu 6°		Điểm	Hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°45', múi chiếu 3°	
	Tọa độ vuông góc			Tọa độ vuông góc	
	X(m)	Y(m)		X(m)	Y(m)
V1	1137044,166	732318,856	V1	1136685,00	431120,00
V2	1137050,165	733019,049	V2	1136685,00	431820,00
V3	1136349,971	733025,046	V3	1135985,00	431820,00
V4	1136343,975	732324,853	V4	1135985,00	431120,00

- Vị trí khu vực biển cách bờ khoảng 6,30 km
- Diện tích khu vực biển được sử dụng là 49,00 ha
- Độ sâu khu vực biển sử dụng: 17,7 ÷ 20,10 m (hệ cao độ Quốc gia)

CHÚ GIẢI

- Điểm góc ranh khu vực biển đề nghị giao

Đường 3 hải lý

Đường địa hình đáy biển và giá trị độ sâu (m)

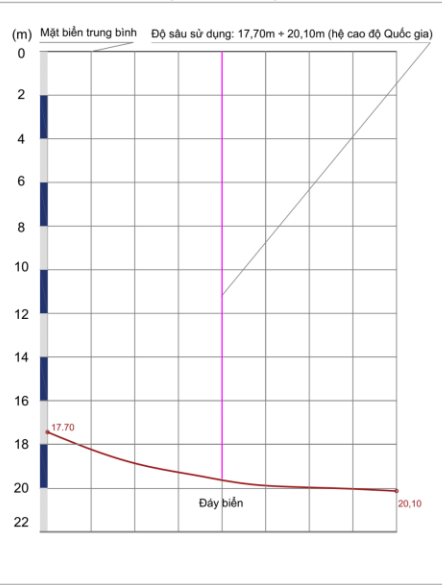
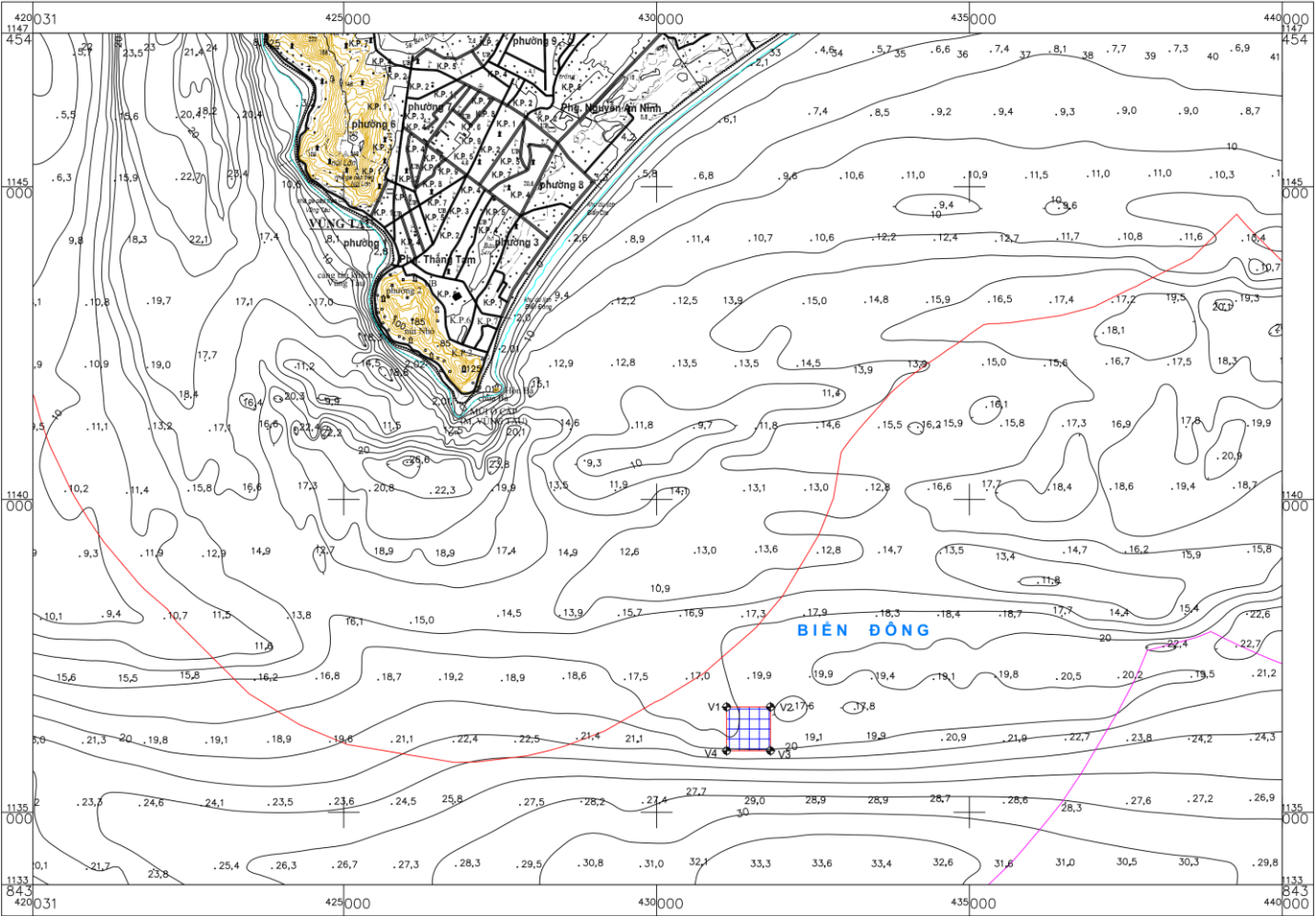
Lưới hệ tọa độ VN2000, KTT 107 độ 45 phút, múi chiếu 3 độ
- V1

Số hiệu điểm góc ranh khu vực biển đề nghị giao

Đường 6 hải lý

Điểm độ sâu và giá trị (m)

Đường mép nước thấp nhất trung bình nhiều năm



TỶ LỆ 1:50.000
1 cm trên bản đồ bằng 500m ngoài thực tế

- Tỷ lệ 1:50.000 được trích lục từ Tờ bản đồ địa hình đáy biển Vũng Tàu Phiên hiệu mảnh C-48-47-A, Tỷ lệ 1/50.000 thành lập năm 2021. Hệ tọa độ Quốc gia, Kinh tuyến trục 105°, Múi chiếu 6°. Đơn vị cung cấp Trung tâm hạ tầng dữ liệu không gian địa lý - Cục đo đạc bản đồ và thông tin địa lý Việt Nam. Đường mép nước biển thấp nhất trong nhiều năm công bố tại Quyết định số 1790/QĐ-BTNMT ngày 06/6/2018. Đường ranh giới ngoài của vùng biển 03 hải lý, 06 hải lý được công bố tại Quyết định số 853/QĐ-BTNMT ngày 25/4/2022.

- Độ sâu được tính theo hệ cao độ Quốc gia.